

Bản án số: 07/2022/DS - ST

Ngày 06 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Quang Khải

Bà: Bạc Thị Kiên

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thuý Dân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 06/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 2 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Trụ sở làm việc: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên.

Trụ sở làm việc: Bản Pú Tiu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:**

- Anh Quảng Văn M, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Bản Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chị Lương Thị H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Bản Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2021 và trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/5/2010, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên có cho hộ anh Quảng Văn M vay số tiền 8.000.000 đồng, mã món vay 6000006300069876 theo chương trình cho vay hỗ trợ làm nhà ở 176, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325% lãi suất khi cho vay. Số tiền này đã được giải ngân chi cho anh Quảng Văn M là chủ hộ.

Ngày 29/6/2015, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên tiếp tục cho hộ gia đình anh Quảng Văn M vay số tiền 30.000.000 đồng, mã món vay 6600000704855694 theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Số tiền này đã được giải ngân chi cho anh Quảng Văn M vào ngày 29/6/2015.

Hai khoản vay trên Ngân hàng cho vay theo hộ gia đình, anh M là chủ hộ và người thừa kế là chị Lương Thị H.

Đến hạn phải trả 02 khoản vay trên, anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả lãi đúng kỳ hạn như cam kết đã ký với NHCSXH huyện Điện Biên, vi phạm nguyên tắc vay vốn.

Đến nay, Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu Tòa án buộc ông Quảng Văn M và chị Lương Thị H phải trả số tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Điện Biên Cụ thể:

- Món vay 6000006300069876, vay ngày 18/5/2010 số tiền gốc 8.000.000 đồng, lãi đến ngày 06/6/2022 là 812.141 đồng.

- Món vay 6600000704855694, vay ngày 29/6/2015 số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi đến ngày 06/6/2022 là 7.323.129 đồng.

*Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 2 năm 2022 anh Quảng Văn M trình bày:*

Hiện tại anh còn vay 02 khoản Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên là 8.000.000 đồng vào năm 2010 và 1 món 30.000.000 đồng vào năm 2015. Cả 02 món vay trên đến hạn năm 2020, tuy nhiên gia đình anh hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng không hoà thuận, do kinh tế khó khăn nên đến hạn anh không trả được cả gốc và lãi. Nay anh đề nghị một thời gian sau anh trả cho Ngân hàng. Anh sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng không yêu cầu cô H trả cùng.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng chính sách xã hội vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội về việc buộc anh Quảng Văn M và chị Lương Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên số tiền của Món vay 6000006300069876, vay ngày 18/5/2010 số tiền gốc 8.000.000, lãi đến ngày 06/6/2022 là 812.141 đồng. Món vay 6600000704855694, vay ngày 29/6/2015 số tiền gốc 30.000.000, lãi đến ngày 06/6/2022 là 7.323.129 đồng và tiền lãi phát sinh của hai món vay trên cho đến khi thanh toán xong các khoản vay trên. Về án phí, đề nghị HĐXX buộc anh M và chị H phải chịu 2.306.763 đồng án phí dân sự có có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### *[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị anh Quảng Văn M và chị Lương Thị H, có địa chỉ tại Bản Chiềng Tông, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay giữa Ngân hàng chính sách xã hội với anh M. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trong các ngày 07 tháng 3 năm 2022; ngày 07 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh M, chị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do mắc bệnh covid. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 06 tháng 5 năm 2022, Tòa án không mở được lại phiên tòa đúng thời gian ghi trong quyết định Hoãn vì lý do vắng Hội thẩm nhân dân, Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát và các đương sự về thời gian mở lại phiên tòa theo quy định tại Khoản 4 điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, Tòa án mở phiên tòa, anh M, chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; **228/BLTTDS**, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị H.

#### *[2] Về nội dung:*

Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay các ngày 15/01/2020; ngày 19/6/2015 và thẻ theo dõi giao dịch tiền vay thì NHCSXH đã ký 02 hợp đồng tín dụng và giải ngân cho anh M số tiền như sau:

Ngày 18/5/2010, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên có cho anh Quảng Văn M vay số tiền 8.000.000 đồng, mã món vay 6000006300069876 theo chương trình cho vay hỗ trợ làm nhà ở 176, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 0,25%/

tháng, lãi suất quá hạn 0,325% lãi suất khi cho vay. Số tiền này đã được giải ngân chi cho anh Quảng Văn M.

Ngày 29/6/2015, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên tiếp tục anh Quảng Văn M vay số tiền 30.000.000 đồng, mã món vay 6600000704855694 theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay Số tiền này đã được giải ngân chi cho anh Quảng Văn M vào ngày 29/6/2015.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện, anh M, chị H chưa trả được số tiền gốc của cả 02 hợp đồng. Tiền lãi của 02 hợp đồng tính đến ngày 06/6/2022 như sau: Tiền lãi trên số tiền gốc 8.000.000 đồng là 812.141 đồng. Lãi trên số nợ gốc 30.000.000 đồng là 7.323.129 đồng. Xét thấy khi đến hạn trả nợ, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc anh M và chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng là 46.135.270 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Anh Quảng Văn M và chị Lương Thị H là vợ chồng, là thành viên của hộ gia đình. Anh M vay tiền của Ngân hàng chính sách để làm nhà và phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ gia đình. Theo quy định tại Điều 107 Bộ Luật dân sự năm 2005 thì *"giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình"*. Mặt khác, trong đơn xin vay vốn, chị Lương Thị H ký tên "người thừa kế" mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tuy nhiên chị H không có ý kiến và không có mặt tại phiên tòa, Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy những khoản vay này nhằm mục đích hỗ trợ nhà ở và cho vay hộ cận nghèo để thực hiện phương án mua bò sinh sản nhằm mục đích phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, chị H là vợ của anh M phải có nghĩa vụ liên đới cùng với anh M trả cho NHCSXH số tiền gốc và lãi nêu trên.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh M và chị H phải chịu 2.306.763 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106; 107 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, 95, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc buộc ông Quảng Văn M và bà Lương Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên số tiền nợ gốc 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 06/6/2022 là 8.135.270 đồng (Tám triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng), tổng cộng số tiền gốc và lãi là 46.135.270 đồng (Bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

2. Về án phí: Anh Quảng Văn M và chị Lương Thị H phải chịu 2.306.763 đồng (hai triệu ba trăm linh sáu nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh
- VKSND H.ĐB
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Thị Thùy Dương**

